

Bản án số: **22/2026/HNGĐ-PT**
Ngày 05-8-2026
V/v “*Tranh chấp về cấp dưỡng
nuôi con sau ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Vĩnh Chuyển**

Các Thẩm phán:

Ông **Trương Chí Trung**

Ông **Nguyễn Văn Dũng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Thiên Hà**, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Hữu Quân** - Kiểm sát viên

Ngày 05 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2026/TLPT-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2026 về việc tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 259/2026/HNGĐ-ST ngày 05/5/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đà Nẵng bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 13/2026/QĐ-PT ngày 03/7/2026, và Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2026/QĐ-PT ngày 20/7/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Bùi Minh Đ**, sinh năm 1983; địa chỉ: **Thôn P, xã Q, thành phố Đà Nẵng**. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Huỳnh Thị T**, sinh năm 1992; địa chỉ: **Thôn C, xã S, thành phố Đà Nẵng**. Có mặt.

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Kim L**, sinh năm 1987; địa chỉ: **Thôn C, xã T, thành phố Đà Nẵng**. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người kháng cáo: Ông **Bùi Minh Đ** là nguyên đơn trong vụ án

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông **Bùi Minh Đ** và đại diện theo ủy quyền là bà **Huỳnh Thị T** trình bày:*

Ông **Bùi Minh Đ** và bà **Nguyễn Thị Kim L** ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 101/2015/QĐST-HNGĐ ngày 08/7/2015 của TAND huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam. Theo quyết định nêu trên thì ông **Bùi Minh Đ** và bà **Nguyễn Thị Kim L** thỏa thuận giao cháu **Bùi Phương M**, sinh ngày 05/5/2014 cho bà **Nguyễn Thị Kim L** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục nhưng thực tế cháu **Bùi Phương M** ở với ông **Bùi Minh Đ**, ông **Bùi Minh Đ** là người trực tiếp chăm lo cho cháu **Bùi Phương M** về mọi

mặc. Nhận thấy bà Nguyễn Thị Kim L không có thời gian để trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Phương M nên ông Bùi Minh Đ khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn và được TAND huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam chấp nhận theo Bản án số 01/2025/HNGĐ-ST ngày 22/4/2025. Tại bản án nêu trên ông Bùi Minh Đ không yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim L cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, hiện nay chi phí ăn uống, sinh hoạt và học tập của cháu Bùi Phương M tăng lên nhiều, để đáp ứng nhu cầu sinh hoạt thiết yếu và học tập của cháu Bùi Phương M nên ông Bùi Minh Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Kim L cấp dưỡng nuôi cháu Bùi Phương M mỗi tháng 5.000.000 đồng (năm triệu đồng). Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 26/01/2026 ông Bùi Minh Đ thay đổi đề nghị mức cấp dưỡng nuôi con, theo đó ông Bùi Minh Đ đề nghị bà Nguyễn Thị Kim L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) đến khi con chung Bùi Phương M đủ 18 tuổi.

Tại Đơn phản hồi ý kiến ngày 18/12/2025 và lời khai trong quá trình tố tụng - bị đơn bà Nguyễn Thị Kim L trình bày:

Bà Nguyễn Thị Kim L thống nhất với nội dung trình bày của nguyên đơn về việc bà Nguyễn Thị Kim L và ông Bùi Minh ly H theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 101/2015/QĐST-HNGĐ ngày 08/7/2015 của TAND huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam và Bản án số 01/2025/HNGĐ-ST ngày 22/4/2025 của TAND huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn. Tuy nhiên, tại bản án nêu trên ông Bùi Minh Đ không yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim L cấp dưỡng nuôi con. Bà Nguyễn Thị Kim L không đồng ý với trình bày của nguyên đơn ông Bùi Minh Đ và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn về việc ông Bùi Minh Đ cho rằng tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 101/2015/QĐST-HNGĐ ngày 08/7/2015 của TAND huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam, giao cháu Bùi Phương M cho bà Nguyễn Thị Kim L trực tiếp nuôi dưỡng nhưng thực tế cháu Bùi Phương M ở với ông Bùi Minh Đ, ông Bùi Minh Đ là người trực tiếp chăm lo cho cháu Bùi Phương M về mọi mặt, nội dung trình bày trên là không đúng sự thật.

Nay ông Bùi Minh Đ khởi kiện yêu cầu thay đổi cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000đ/tháng thì bà Nguyễn Thị Kim L không đồng ý. Đề nghị ông Bùi Minh Đ chứng minh nhu cầu phát sinh thêm chi phí cần thiết cho con, hoàn cảnh kinh tế của ông Bùi Minh Đ có gặp khó khăn gì. Đồng thời bà Nguyễn Thị Kim L đang gặp khó khăn về kinh tế, thu nhập mỗi tháng 15.200.000 đồng (Mười lăm triệu, hai trăm ngàn đồng), hiện bà đang công tác Công an thành phố Đ, phải thuê nhà ở và cuối tuần về quê chăm sóc cha mẹ già đã ngoài 60 tuổi thường xuyên đau ốm đi viện, không có thu nhập ổn định, sống phụ thuộc vào bà, bản thân bà thường xuyên đau ốm, đang điều trị bệnh, hiện tại bà không đủ khả năng cấp dưỡng vào thời điểm này. Đề nghị Tòa án xem xét hoàn cảnh thực tế của bà, cho bà tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng cho con đến khi bà có đủ điều kiện hoặc trong điều kiện bắt buộc phải cấp dưỡng thì cho bà thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu Bùi Phương M đủ 18 tuổi.

Với nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 259/2026/HNGĐ-ST ngày 05/5/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đà Nẵng đã quyết định:

Căn cứ: Khoản 5 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 69; Điều 71; Điều 72; Điều 82; Điều 83; Điều 110; Điều 116; Điều 117; Điều 119 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014 và điểm b khoản 1 Điều 12; điểm a, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông **Bùi Minh Đ** về việc “Tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con chung” với bà **Nguyễn Thị Kim L**

Buộc bà **Nguyễn Thị Kim L** phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung **Bùi Phương M** - sinh ngày 05/5/2014, mỗi tháng 2.500.000 đồng (*Hai triệu, năm trăm nghìn đồng*).

Thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung **Bùi Phương M** đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chưa thành niên, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí, về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án

Ngày 19/5/2026, ông **Bùi Minh Đ** có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc bà **Nguyễn Thị Kim L** cấp dưỡng nuôi con chung cháu **Bùi Phương M** mỗi tháng 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) kể từ ngày 22/4/2025 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông **Đ** giữ nguyên đơn kháng cáo, bà **Kim L** tuy vắng mặt tại phiên tòa, nhưng tại văn bản trình bày quan điểm bà đề nghị HĐXX cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông **Đ**, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa, có quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn ông **Bùi Minh Đ** kháng cáo trong thời hạn luật định, nên đảm bảo theo trình tự phẩm;

Về nội dung: Xét Bản án sơ thẩm số: 259/2026/HNGĐ-ST ngày 05/5/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1- Đà Nẵng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông **Đ** về việc buộc bà **L** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cháu **Bùi Phương M**, sinh ngày 05/5/2014 mỗi tháng 2.500.000 đồng (*Hai triệu năm trăm ngàn đồng*) là hơn ½ mức lương tối thiểu của người lao động làm việc theo hợp đồng lao động trên địa bàn thuộc **phường H, thành phố Đà Nẵng (Vùng II)**, được thực hiện theo Nghị định số 293/2025/NĐCP ngày 10/11/2025 quy định mức lương tối thiểu vùng là 4.730.000 đồng (Bốn triệu, bảy trăm ba mươi ngàn đồng), đồng thời cũng phù hợp với khả năng điều kiện, thực tế, hoàn cảnh của bà **L** hiện

tại; Do đó, đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2025*) không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông **Bùi Minh Đ**, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 259/2026/HNGĐ-ST ngày 05/5/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng.*

[1.1] Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông **Bùi Minh Đ** trong thời hạn luật định, nên đảm bảo theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Bị đơn bà **Nguyễn Thị Kim L** có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 BLTTDS năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2025*), Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2]. *Về nội dung:* Ông **Bùi Minh Đ** kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm buộc bà **Nguyễn Thị Kim L** phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu **Bùi Phương M** - sinh ngày 05/5/2014 mỗi tháng 4.000.000 đồng (*Bốn triệu đồng*) và thời gian thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày 22/4/2025 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[2.1] Xét kháng cáo của ông **Bùi Minh Đ** thì thấy:

[2.1.1] *Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con:* Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định tại các Điều 81, 82, 83 và 84 như sau: Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn là quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của cha, mẹ đối với con chưa thành niên, tại khoản 2 Điều 82 có quy định cha, mẹ người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con và khoản 1 Điều 83 quy định người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82, vì vậy, ông **Đ** người trực tiếp nuôi con yêu cầu bà **L** người không trực tiếp nuôi con thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định của pháp luật về HNGĐ (tại Điều 83); Tòa án cấp sơ thẩm, khi quyết định buộc bà **L** người không trực tiếp nuôi con, có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung cháu **Bùi Phương M**, sinh ngày 05/5/2014 với mức cấp dưỡng mỗi tháng 2.500.000 đồng (*Hai triệu, năm trăm ngàn đồng*) là đã xem xét một cách khách quan toàn diện, về điều kiện, khả năng, kinh tế của bà **L** hiện tại, được dựa trên cơ sở mức lương tối thiểu theo vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động, cụ thể tại **phường H, thành phố Đà Nẵng (vùng II)** có mức lương tối thiểu là: 4.730.000 đồng (*Bốn triệu, bảy trăm ba mươi ngàn đồng*), đây là mức lương do Nhà nước quy định tại Nghị định số: 293/2025/NĐ-CP ngày 10/11/2025; Bản thân ông **Đ** cũng là công chức nhà nước hiện đang công tác tại Bệnh viện 199 có hưởng lương theo quy định của nhà nước, tại Bản án số: 01/2025/HNGĐ-ST ngày 22/4/2025 do Tòa án nhân dân huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam (*cũ*) xét xử giao con chung cháu **Bùi Phương M**, cho ông trực tiếp nuôi dưỡng theo yêu cầu của ông, trong đó ông không có yêu cầu bà **L** thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, điều đó cho thấy ông đủ khả

năng, điều kiện về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, về phía bà **L** hiện nay công tác tại **Công an thành phố Đ** có mức lương thu nhập 15.200.000 đồng (*Mười lăm triệu hai trăm ngàn đồng*), đây là khoản tiền bà **L** vừa lo cho cuộc sống sinh hoạt của bà và có một phần trách nhiệm với cha mẹ ruột của bà già yếu ở quê có phụ thuộc vào bà, mặt khác, hiện tại bà đã lập gia đình với người chồng mới, nên phải có trách nhiệm với tổ ấm gia đình mới của mình, vì vậy, HĐXX cấp phúc thẩm nhận thấy Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà **L** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu **Bùi Phương M** mỗi tháng 2.500.000 đồng (*Hai triệu, năm trăm ngàn đồng*) để cùng thực hiện nghĩa vụ với ông **Đ** nuôi con chung là phù hợp với điều kiện khả năng kinh tế của bà, do đó, HĐXX không chấp nhận kháng cáo tăng mức tiền cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của ông **Đ** đối với bà **L**, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 259/2026/HNGĐ-ST ngày 05/5/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đà Nẵng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tại phiên tòa là phù hợp.

[2.1.2] *Về thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng*: Tại phiên tòa phúc thẩm, ông **Đ** và người đại diện theo ủy quyền của ông **Đ** yêu cầu HĐXX buộc bà **L** thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con kể từ ngày 22/4/2025 (*Ngày Bản án số 01/2025/HNGĐ-ST có hiệu lực*); Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm nhận thấy: Tại Bản án số: 01/2025/HNGĐ-ST ngày 22/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam (cũ) xét xử quyết định giao con chung cháu **Bùi Phương M**, sinh ngày 05/5/2014 cho ông **Đ** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; trong đó không buộc bà **L** người không trực tiếp nuôi con, không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi chung, mặt khác, trong trường hợp Bản án có tuyên buộc bà **L** thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, thì trách nhiệm thi hành bản án do cơ quan Thi hành án dân sự, thực hiện việc thi hành án khi bản án có hiệu lực pháp luật theo đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với người bị thi hành án theo quy định của pháp luật về Luật thi hành án dân sự. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tính thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con kể từ sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là đúng với quy định của pháp luật, nên HĐXX không chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn.

[3] Các phần khác của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] *Về án phí*: Ông **Đ** được miễn án phí dân sự HNGĐ phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1..**Căn cứ**: Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.1. Không chấp nhận kháng cáo của ông **Bùi Minh Đ** về việc tăng mức tiền cấp dưỡng nuôi con chung đối với bà **Nguyễn Thị Kim L**;

1.2. Giữ nguyên Bản án dân sự HNGĐ sơ thẩm số: 259/2026/HNGĐ-ST ngày 05/5/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đà Nẵng.

2. **Căn cứ:** Điều 69; Điều 71; các Điều 72; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 110; Điều 116; Điều 117 và Điều 119 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện về “*Tranh chấp về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con sau ly hôn*” của ông **Bùi Minh Đ** đối với bà **Nguyễn Thị Kim L**.

2.2. Buộc bà **Nguyễn Thị Kim L** (người không trực tiếp nuôi con) có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung **Bùi Phương M** - sinh ngày 05/5/2014 cho ông **Bùi Minh Đ** (người trực tiếp nuôi con), mỗi tháng 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng).

2.3. Thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con được tính từ ngày bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung **Bùi Phương M** đủ 18 tuổi.

2.4. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được quyền cản trở. Vì quyền lợi của con chưa thành niên, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. **Về án phí:** Ông **Bùi Minh Đ** được miễn án phí dân sự HNGĐ phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND TPĐN
- Viện CT&KSXXPT tại Đà Nẵng;
- TAND khu vực 1 – Đà Nẵng;
- VKSND khu vực 1- Đà Nẵng;
- Phòng GDKTTT&THA Tòa án TPĐN
- Đương sự
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Phan Vĩnh Chuyển

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND khu vực 5 – Đà Nẵng;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Hà Nam